

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI HÀNH VI ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÁ NHÂN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

FACTORS AFFECTING PERSONAL FINANCIAL INVESTMENT BEHAVIOR OF STUDENTS AT HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY

Đỗ Hải Hưng^{1*}, Khương Thị Quỳnh An¹

DOI: <http://doi.org/10.57001/huih5804.2024.226>

TÓM TẮT

Đầu tư tài chính hiệu quả để hướng tới tự do tài chính cá nhân là xu thế được nhiều sinh viên đại học hướng tới trong bối cảnh chuyển đổi số và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra ngày càng sâu rộng. Tuy nhiên, rào cản nào ảnh hưởng tới quyết định đầu tư tài chính cá nhân của Sinh viên lại là một vấn đề cần được quan tâm. Nghiên cứu lựa chọn phạm vi nghiên cứu là sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi đầu tư tài chính của sinh viên. Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu là dữ liệu sơ cấp thông qua kết quả điều tra khảo sát từ 251 sinh viên. Các giả thuyết trong nghiên cứu được kiểm định thông qua mô hình cấu trúc bình phương tối thiểu riêng phần PLS-SEM, xử lý dữ liệu thông qua phần mềm SmartPLS3.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi đầu tư tài chính cá nhân bao gồm: Chuẩn chủ quan, khả năng kiểm soát và năng lực tài chính, môi trường học tập.

Từ khóa: Đầu tư; đầu tư tài chính cá nhân; hành vi đầu tư.

ABSTRACT

Effective financial investment towards personal financial freedom is a trend that many university students are aiming for in the context of digital transformation and the deepening Industrial Revolution 4.0. However, what barriers affect students' personal financial investment decisions is a matter of concern. The study selects the scope of the study as students of Hanoi University of Industry to assess the factors affecting the financial investment behavior of students. The data used in the study is primary data through survey results from 251 students. The hypotheses in the study were tested through the partial least squares structural model PLS-SEM, data processing through SmartPLS3.0 software. The research results show that the factors affecting personal financial investment behavior include: Subjective standards, controllability and financial capacity, learning environment.

Keywords: Invest; personal financial investment; investment behavior.

¹Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: dohaihung@hauai.edu.vn

Ngày nhận bài: 08/1/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 10/4/2024

Ngày chấp nhận đăng: 25/6/2024

1. GIỚI THIỆU

Hiện nay, hoạt động đầu tư tài chính đang ngày càng có vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững ở nhiều quốc gia. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy sự đóng góp, sự đa dạng trong đầu tư vào việc phát triển nguồn lực kinh tế. Vì vậy, tạo điều kiện để thúc đẩy đầu tư đã và đang trở thành mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của nhiều quốc gia [9]. Xu hướng đầu tư 2022 cho thấy sự thay đổi trong tầm nhìn, tư duy của các cá nhân và doanh nghiệp. Những kênh đầu tư quen thuộc được đặt trong các góc nhìn mới để khai thác hiệu quả tiềm năng. Nên đầu tư gì năm 2022 mang tới khá nhiều sự lựa chọn cho nhà đầu tư.

Mặc dù hiện nay, sinh viên được trang bị tinh thần đầu tư và khởi nghiệp vào các mạng lưới hệ sinh thái tài chính trong và ngoài nước rất phong phú và đa dạng, nhưng do nguồn vốn còn hạn hẹp, tâm lý thị trường chưa nắm vững, kinh nghiệm còn non nớt, kiến thức còn hạn hẹp [7]. Những nguyên nhân nêu trên đã dẫn đến việc người trẻ Việt tham gia đầu tư tài chính rất hạn chế.

Xuất phát từ thực tiễn trên, thúc đẩy tinh thần tham gia vào các hoạt động đầu tư là rất quan trọng cho sự thành công của xã hội ngày nay, vốn dĩ đang phải đối mặt với những thách thức rất lớn về kinh tế. Đối tượng nghiên cứu hướng đến sinh viên, phạm vi nghiên cứu là Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Câu hỏi đặt ra ở đây là các nhân tố nào sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tài chính của sinh viên? Mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố như thế nào.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu của Robert A. Nagy, Robert W. Obenberger về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân, nghiên cứu được dựa trong bối cảnh tình hình thị trường chứng khoán Mỹ đang phát triển, vì vậy tác giả đã đưa ra 7 nhóm yếu tố tác động đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân. Đó là: Thông tin trung lập; Thông tin kế toán; Thông tin về hình ảnh, danh tiếng của công ty; Nhóm

yếu tố cơ bản (lợi nhuận kỳ vọng, cổ tức kỳ vọng, rủi ro cá nhân,...); Yếu tố xã hội; Những khuyến nghị đầu tư của tổ chức, cá nhân, bạn bè và Nhu cầu tài chính cá nhân [10]. Từ nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng này, tác giả đã đưa ra quan điểm về một thị trường riêng là chứng khoán. Tác giả cho rằng khi thị trường chứng khoán của các doanh nghiệp được công bố đầy đủ thì các nhà đầu tư cá nhân sẽ có niềm tin hơn về doanh nghiệp, khi đó xu hướng đầu tư sẽ càng cao.

Một nghiên cứu khác của Vido Novianggie và Nadia Asandimitra về "Ảnh hưởng của thành kiến về hành vi, thành kiến về nhận thức và thành kiến về cảm xúc đối với quyết định đầu tư đối với sinh viên đại học có kiến thức về tài chính như một biến số vừa phải" cũng cho thấy có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư. Đó là nhận thức sự rủi ro, sự quá tự tin của người đầu tư, tính đại diện, hay hành vi ảnh hưởng của kiến thức tài chính hướng tới đầu tư [11].

Trong nghiên cứu [12], bằng việc sử dụng mô hình logistic, phương pháp phân tích mô tả và xác minh nghiên cứu tác giả đã đưa ra kết luận: Sự hiểu biết về tài chính cá nhân của sinh viên thuộc loại thấp. Và yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến kiến thức tài chính cá nhân của sinh viên là kiến thức của cha mẹ, tiền tiêu vật/thu nhập, trình độ học vấn, giảng viên, thu nhập của cha mẹ và bảo hiểm tài sản. Trong đó, ảnh hưởng nhiều nhất đến từ gia đình hoặc cha mẹ, điều này cho thấy rằng gia đình vẫn là nguồn kiến thức quan trọng nhất về quản lý tài chính cá nhân, gia đình đóng một vai trò quan trọng trong làm gương cho những người con. Và cũng từ đây tác giả cũng đã đưa ra những lời khuyến nghị cho mọi người, đó là cần tăng cường giáo dục tài chính cho sinh viên, cha mẹ cần làm gương cho con được hiểu về quản lý tài chính cá nhân và có sự phối hợp giữa các bên có trách nhiệm trong việc cung cấp kiến thức quản lý tài chính cho cộng đồng.

Ngoài các nghiên cứu tổng quan từ các tác phẩm nước ngoài, nhóm nghiên cứu còn tham khảo một số các nghiên cứu trong nước. Theo bài "*Đầu tư thông minh với top 7 các hình thức đầu tư tài chính dài hạn*" thì sự biến động của thị trường là mối quan tâm hàng đầu của nhà đầu tư. Thông thường, biến động thị trường được sử dụng để đo lường mức độ thay đổi giá cả theo thời gian. Vì vậy lợi thế của việc đầu tư dài hạn được tìm thấy trong điểm chung giữa thời gian và sự biến động thị trường. Cho thấy, các khoản đầu tư dài hạn thể hiện mức độ biến động thấp hơn so với các khoản đầu tư ngắn hạn. Thời gian đầu tư càng dài, khả năng vượt qua giai đoạn thị trường thấp càng cao.

Nghiên cứu [8] đã cho thấy có 4 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư cá nhân là: lợi nhuận kỳ vọng, chính sách chia cổ tức, tỉ lệ chia cổ tức và mệnh giá cổ phiếu. trong đó yếu tố lợi nhuận kỳ vọng, tỉ lệ chia cổ tức và mệnh giá cổ phiếu có quan hệ dương, yếu tố chính sách cổ tức có quan hệ âm với biến quyết định của nhà đầu tư cá nhân.

Nhìn chung, các nghiên cứu chưa làm rõ được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của sinh viên, mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố tới hiệu quả đầu tư tài chính ra sao vẫn chưa được làm rõ, đặc biệt là trong phạm vi của một cơ

sở giáo dục đại học. Do vậy, nghiên cứu là cần thiết, có ý nghĩa trong thực tiễn nghiên cứu.

2.2. Cơ sở lý luận

2.2.1. Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính là một hình thức đầu tư chủ yếu thông qua hình thức mua chứng khoán (chứng khoán vốn - cổ phiếu hoặc chứng khoán nợ - trái phiếu) hoặc các công cụ tài chính khác. Nhà đầu tư tài chính thông thường nhằm vào mục đích mua và bán chứ ít khi làm tăng giá trị thực của công ty mà họ đầu tư vào. Đây còn là hoạt động sử dụng vốn nhàn rỗi với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, gia tăng giá trị vốn đầu tư ban đầu với chiến lược lâu dài, chủ yếu mua chứng khoán, trái phiếu hoặc các công cụ tài chính.

2.2.2. Ý định đầu tư

Theo lý thuyết hành vi có kế hoạch [1, 2], Ý định hành vi là một dấu hiệu cho thấy sự sẵn sàng của một cá nhân để thực hiện một hành vi nhất định. Nó được coi là tiền đề của việc thực hiện hành vi. Nó dựa trên thái độ đối với hành vi, quy chuẩn chủ quan và kiểm soát hành vi. Ý định thực hiện các hành vi thuộc các loại khác nhau có thể được dự đoán với độ chính xác cao từ thái độ đối với hành vi, các chuẩn mực chủ quan và kiểm soát hành vi nhận thức được; và những ý định này, cùng với nhận thức về kiểm soát hành vi tạo ra sự khác biệt đáng kể trong hành vi thực tế.

Theo lý thuyết hành động hợp lý [3], ý định thực hiện hành động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hành động, ý định thực hiện hành động càng cao thì khả năng thực hiện hành động này càng lớn.

2.2.3. Hành vi đầu tư

Theo thuyết hành động hợp lý [3]: "Hành vi phải được xác định rõ ràng theo bốn khái niệm sau: Hành động, Mục tiêu, Bối cảnh và Thời gian".

Thuyết này cho rằng ý định hành vi: "Động lực chính của hành vi, trong khi hai yếu tố quyết định chính đối với ý định hành vi là thái độ và chuẩn chủ quan của con người. Bằng cách kiểm tra thái độ và chuẩn chủ quan, các nhà nghiên cứu có thể hiểu được liệu một cá nhân có thực hiện hành động dự định hay không".

Do vậy, có thể hiểu rằng, hành vi đầu tư là hành vi một cá nhân sẵn sàng bỏ ra nguồn lực chắc chắn ở hiện tại để mong muốn đạt được lợi ích không chắc chắn ở trong tương lai.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

3.1. Thiết kế bảng hỏi

Nghiên cứu thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua bảng hỏi với đối tượng là sinh viên đang học tập tại các Khoa và trường trực thuộc Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Thang đo được xây dựng và áp dụng là thang đo Likert 5 mức độ từ rất không đồng ý (1) đến rất đồng ý (5). Bảng câu hỏi gồm 2 phần chính là thông tin chung và thông tin đánh giá yếu tố ảnh hưởng tới quyết định đầu tư tài chính của sinh viên.

Bảng câu hỏi đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định đầu tư tài chính cá nhân của sinh viên gồm 38 câu hỏi.

Do đó, cỡ mẫu tối thiểu cần điều tra khảo sát để các kiểm định đảm bảo độ tin cậy là 190 [5].

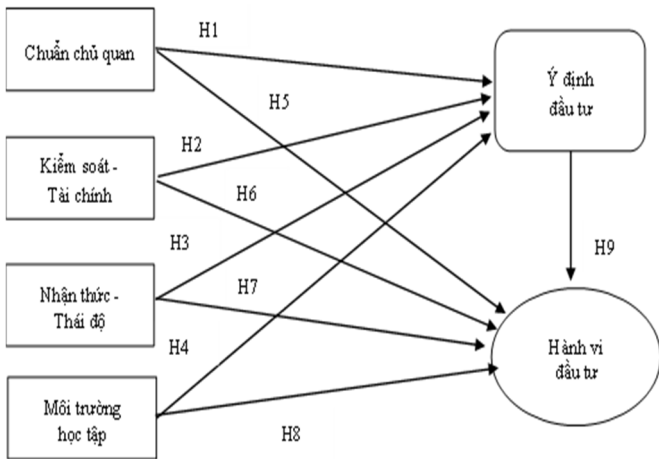
3.2. Thu thập và xử lý dữ liệu

Nhóm nghiên cứu áp dụng hình thức lấy mẫu trực tuyến, phương thức lấy mẫu thuận tiện thông qua điều tra bằng bảng hỏi tới các lớp học phân tại các Khoa và trường trực thuộc. Tổng số phiếu nhận được phản hồi khảo sát là 268 phiếu, tổng số phiếu hợp lệ để đưa vào xử lý dữ liệu là 251, đảm bảo điều kiện để thực hiện các kiểm định trong mô hình.

Để kiểm định mô hình đo lường, nghiên cứu tiến hành kiểm định độ tin cậy các thang đo thông qua các hệ số Cronbach’s Alpha (C α), Độ tin cậy tổng hợp (CR) và giá trị hội tụ (AVE) thông qua phần mềm SmartPLS3.0. Sau đó, tiến hành kiểm định mô hình cấu trúc để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu trong mô hình.

3.3. Mô hình nghiên cứu

Để xây dựng được một mô hình nghiên cứu phù hợp, nhóm tác giả đã dựa trên các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, đặc biệt là một số mô hình nghiên cứu đề xuất đã được công khai của Nagy and Obenberger [10] và Vido Novianggie and Nadia Asandimitra [11]. Từ việc kế thừa và biến đổi các yếu tố của hai mô hình nghiên cứu trên để phù hợp với đề tài nghiên cứu; kết hợp với cơ sở lý thuyết về hành động hợp lý, hành vi có kế hoạch, tài chính hành vi, lý thuyết quyết định và thuyết triển vọng; nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi đầu tư tài chính của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội như hình 1.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nghiên cứu gồm 4 biến độc lập bao gồm: Chuẩn chủ quan (CQ), Khả năng kiểm soát và năng lực tài chính (KS-TC), Nhận thức và thái độ (NT-TD), Môi trường học tập (HT). Biến phụ thuộc là ý định đầu tư (YD) và Hành vi đầu tư (HV). Có 9 giả thuyết nghiên cứu, trong đó các giả thuyết nghiên cứu H1-H4, các yếu tố có ảnh hưởng thuận chiều tới ý định đầu tư tài chính của sinh viên. Các giả thuyết H5-H8 được đưa ra là các biến độc lập có ảnh hưởng thuận chiều tới biến phụ thuộc là “Hành vi đầu tư”. H9 là ý định đầu tư có ảnh hưởng thuận chiều tới hành vi đầu tư.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Với số phiếu hợp lệ là 251 phiếu, nhóm tác giả đã tiến hành xử lý và phân tích thông qua Excel và phần mềm SmartPLS3.0. Cụ thể kết quả thống kê mô tả mẫu nghiên cứu được thể hiện tại bảng 1.

Bảng 1. Bảng kết quả thống kê mô tả

Tiêu chí		Tần số	Tần suất
Giới tính	Nam	127	50,4
	Nữ	124	49,6
Khóa	K13	35	13,6
	K14	109	43,6
	K15	52	20,8
	K16	55	22,0
Khoa	Quản lý kinh doanh	105	42,0
	Kế toán - Kiểm toán	41	16,4
	Trường Ngoại ngữ - Du lịch	43	16,8
	Các ngành học khác	62	24,8
Thu nhập	< 1 triệu	124	49,6
	1 - 3 triệu	64	25,6
	3 - 5 triệu	35	14,0
	> 5 triệu	28	10,8
Kinh nghiệm	< 1 năm	197	78,8
	1 - 3 năm	38	15,2
	3 - 5 năm	11	4,0
	> 5 năm	5	2,0
Tổng		251	100,0

(Nguồn: Kết quả tổng hợp dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả)

4.2. Kiểm định mô hình

4.2.1. Kiểm định mô hình đo lường

(i) Độ tin cậy tổng hợp và độ tin cậy

Bảng 2. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo

	Độ tin cậy	rho_A	Độ tin cậy tổng hợp (CR)	Giá trị hội tụ (AVE)
CQ	0,886	0,892	0,914	0,640
HT	0,915	0,918	0,936	0,746
HV	0,928	0,930	0,946	0,778
KS-TC	0,929	0,934	0,940	0,613
NT-TD	0,901	0,912	0,919	0,620
YD	0,889	0,899	0,919	0,695

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

Độ tin cậy tổng hợp Composite Reliability (CR) được nhiều nhà nghiên cứu ưu tiên lựa chọn hơn Cronbach’s Alpha bởi Cronbach’s Alpha đánh giá thấp độ tin cậy hơn so với CR. Chín cho rằng trong nghiên cứu khám phá, CR phải từ 0,6 trở lên. Với các nghiên cứu khẳng định, ngưỡng 0,7 là

mức phù hợp của chỉ số CR [4]. Nhiều nhà nghiên cứu khác cũng đồng ý mức 0,7 là ngưỡng đánh giá phù hợp cho đại đa số trường hợp [5, 6].

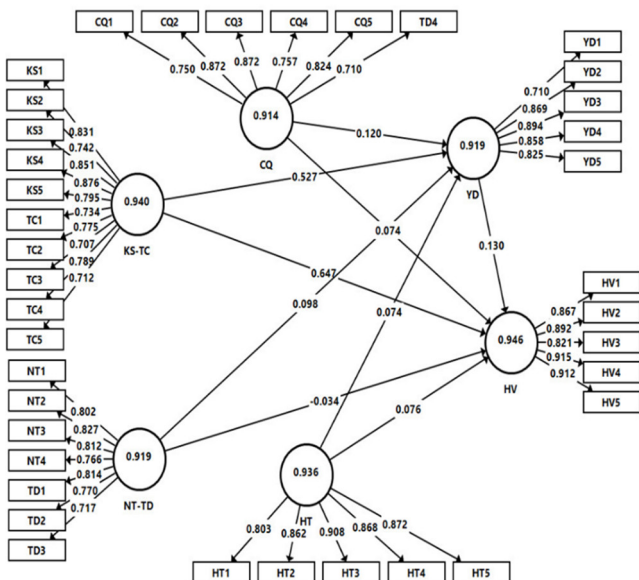
Căn cứ vào kết quả kiểm định có thể thấy rằng, tất cả các biến đều có hệ số Cronbach's Alpha $\geq 0,7$; Composite Reliability CR $\geq 0,7$, do vậy các thang đo đảm bảo độ tin cậy để thực hiện các kiểm định tiếp theo [5].

(ii) Giá trị hội tụ (AVE)

Để đánh giá tính hội tụ, cần phải dựa vào chỉ số phương sai trung bình được trích AVE (Average Variance Extracted). Một thang đo đạt giá trị hội tụ nếu AVE đạt từ 0,5 trở lên. Mức 0,5 (50%) này mang ý nghĩa biến tiềm ẩn mẹ trung bình sẽ giải thích được tối thiểu 50% biến thiên của từng biến quan sát con.

Theo kết quả phân tích, các thang đo đều đạt giá trị hội tụ bởi giá trị AVE của các biến quan sát đều $> 0,5$. Với biến tiềm ẩn HV (Hành vi đầu tư) có AVE đạt 0,778 cho thấy biến tiềm ẩn mẹ trung bình giải thích được tối thiểu 77,8% biến thiên của các biến quan sát con - đây cũng là biến có sự biến thiên cao nhất. Tiếp đến là giá trị AVE của biến tiềm ẩn HT (Môi trường học tập) bằng 0.746, giá trị này cho biết biến tiềm ẩn mẹ trung bình giải thích được tối thiểu 74,6% biến thiên của các biến quan sát con. Về biến tiềm ẩn CQ (Chuẩn chủ quan), AVE = 0,64 cho biết biến tiềm ẩn mẹ trung bình giải thích được được tối thiểu 64.0% biến thiên của các biến quan sát con. Và biến tiềm ẩn mẹ trung bình NT - TD (Nhận thức và thái độ bản thân) giải thích được tối thiểu 62.0% biến thiên của biến quan sát con, vì AVE = 0,62. Còn về biến tiềm ẩn YD (Ý định đầu tư), biến tiềm ẩn mẹ trung bình này giải thích được tối thiểu 69,5% biến thiên của biến quan sát con. Bên cạnh đó, biến tiềm ẩn KS - TC (Khả năng kiểm soát và tài chính) giải thích được 61,3% biến thiên của từng biến quan sát.

4.2.2. Kiểm định mô hình cấu trúc



Hình 2. Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc (Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc cho thấy rằng, tất cả các giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận. Hệ số VIF đều nhỏ hơn 3, không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số R bình phương hiệu chỉnh là 0.696, tức là các biến độc lập đã giải thích được 69.6% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Xét về mức độ ảnh hưởng, yếu tố khả năng kiểm soát và năng lực tài chính (KS-TC) có ảnh hưởng lớn nhất tới Hành vi đầu tư của sinh viên ($\beta = 0,647$), tiếp đến là các yếu tố môi trường học tập ($\beta = 0,076$), chuẩn chủ quan ($\beta = 0,074$) và cuối cùng là nhận thức-thái độ ($\beta = -0,034$). Giá trị kiểm định P value của các biến đều nhỏ hơn 0.05, ngoại trừ biến nhận thức-thái độ có giá trị P-value lớn hơn 0,05, do vậy bác bỏ giả thuyết H7 (Yếu tố nhận thức thái độ của sinh viên ảnh hưởng thuận chiều tới hành vi đầu tư).

5. KẾT LUẬN VÀ THẢO LUẬN

Thông qua kết quả nghiên cứu, nghiên cứu đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Thứ nhất, yếu tố khả năng kiểm soát và năng lực tài chính có ảnh hưởng lớn nhất với hành vi đầu tư tài chính của sinh viên, tiếp đến là yếu tố chuẩn chủ quan và yếu tố môi trường học tập. Điều này cho thấy, khi sinh viên có nhận thức tốt, năng lực tài chính đủ để chi trả các khoản mục đầu tư, sinh viên sẵn sàng bỏ một khoản tiền nhất định để tham gia các hoạt động đầu tư tài chính.

Thứ hai, yếu tố nhận thức và thái độ không có ý nghĩa thống kê trong mô hình nghiên cứu. Điều này cho thấy chưa thể khẳng định nhận thức thái độ có ảnh hưởng tới quyết định đầu tư. Dựa vào mô hình nghiên cứu có thể thấy, nhận thức tốt sẽ dẫn tới ý định đầu tư ($\beta = 0,098, p < 0,005$). Do vậy, nhận thức tốt sẽ khiến sinh viên sẽ có ý định đầu tư nhưng để đi đến quyết định đầu tư thì chưa sẵn sàng.

Từ kết quả nghiên cứu và những phân tích đánh giá ở trên, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị với nhà trường và các bạn sinh viên đang có ý định hoặc sẽ có ý định đầu tư tài chính trong tương lai, cụ thể là:

(i) Đối với nhà trường

Thứ nhất, việc tuyên truyền nhận thức, nâng cao kỹ năng quản lý tài chính cho sinh viên ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường là vô cùng cần thiết. Hiện nay, nhiều chương trình đã được các doanh nghiệp, cơ quan chức năng, ngân hàng tổ chức hướng đến các bạn sinh viên.

Thứ hai, thực hiện những chương trình truyền thông để phổ cập các kiến thức về tài chính cho sinh viên, trang bị các kỹ năng tài chính để sinh viên trở thành những người sử dụng dịch vụ tài chính thông minh. Chú trọng việc truyền đạt lại kiến thức một cách thực tế sau khi sinh viên đã hoàn thành nội dung môn học, kết hợp truyền tải các kiến thức thực tế đời sống - xã hội.

Thứ ba, tăng cường chia sẻ từ cố vấn học tập, các giảng viên bộ môn để sinh viên có thêm định hướng về cách thức học tập và nghiên cứu hiệu quả.

Thứ tư, mở các câu lạc bộ đầu tư trong khuôn viên khoa, trường và mạng lưới câu lạc bộ đầu tư cùng các sinh viên

trường ngoài. Bên cạnh đó tổ chức các cuộc thi về đầu tư, mở các khóa đào tạo nâng cao cho sinh viên.

(ii) Đối với sinh viên

Rèn luyện thói quen tích lũy và tiết kiệm: Khi sinh viên tham gia vào đầu tư tài chính, phần nào giúp tạo thói quen tích lũy một phần thu nhập để đầu tư sinh lời. Học cách tiết kiệm tiền và đầu tư giúp cải thiện được cuộc sống của bản thân và gia đình.

Không ngừng tìm tòi và tích lũy kiến thức: Trước khi bắt đầu đầu tư, bạn cần trang bị các kiến thức về thị trường cũng như cách thức giao dịch. Ngoài kiến thức về các quy trình giao dịch cơ bản, còn cần cập nhật các tin tức và sự kiện mới nhất của thị trường có ảnh hưởng đến cổ phiếu, trái phiếu, kế hoạch lãi suất, triển vọng kinh tế,... Có nền tảng kiến thức vững chắc sẽ giúp tự tin đầu tư và ra quyết định giao dịch hơn.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, nghiên cứu vẫn còn tồn tại một số hạn chế, đó là: (1) Quy mô mẫu nghiên cứu chưa đủ lớn, nghiên cứu chỉ tập trung tại một số khoa trong trường; (2) Mô hình nghiên cứu chưa thể hiện được một số biến điều tiết ảnh hưởng tới hành vi đầu tư tài chính cá nhân của sinh viên. Do vậy, trong các nghiên cứu tiếp theo, nhóm tác giả sẽ cân nhắc mở rộng phạm vi nghiên cứu và bổ sung thêm các biến điều tiết để kết quả đánh giá bao quát và khách quan hơn trong nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ajzen I., "From intentions to actions: A theory of planned behavior," in *Action control* (11-39): Springer, 1985.
- [2]. Ajzen I., "Attitudes, traits, and actions: Dispositional prediction of behavior in personality and social psychology," *Advances in experimental social psychology*, 20, 1-63, 1987.
- [3]. Ajzen I., "The theory of planned behavior," *Organizational behavior and human decision processes*, 50(2), 179-211, 1991.
- [4]. Anderson J. C., Gerbing D. W., "Structural equation modeling in practice: A review and recommended two-step approach," *Psychological bulletin*, 103(3), 411, 1988.
- [5]. F. Hair Jr J., et al., "Partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM)," *European Business Review*, 26(2): 106-121. 2014.
- [6]. Chu Nguyen Mong Ngoc, Vuong Van Thuan, "Using regression with instrumental variables to find out the factors that govern investment decisions of Vietnamese stock investors" *Journal of Development and Integration*, 25(35), 14-23, 2015.
- [7]. Le Hoang Anh, et al., "Factors affecting the level of personal financial knowledge of Vietnamese students," *Economy & Forecast Review*, 2018.
- [8]. Nguyen Thi Ngoc Diep, Nguyen Minh Kieu, "Factors financial affecting investment decisions of individual investors in HCM City," *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science*, 8(2), 3-17, 2013.
- [9]. Pham Thi Hoang Anh, et al., "Determinants of financial literacy: evidence from students in Hanoi," *Banking Science & Training Review*, 230, 2021.
- [10]. Robert A. Nagy, Robert W. Obenberger, "Factors Influencing Individual Investor Behavior," *Financial Analysts Journal*, 1994.

[11]. Vido Novianggie, Nadia Asandimitra, "The Influence of Behavioral Bias, Cognitive Bias, and Emotional Bias on Investment Decision for College Students with Financial Literacy as the Moderating Variable," *International Journal of Academic Research in Accounting, Finance and Management Sciences*, 9, 2, 92-107, 2019.

[12]. Sulaeman Rahman Nidar, Sandi Bestari, "Personal Financial Literacy Among University Students (Case Study at Padjadjaran University Students, Bandung, Indonesia)," *World Journal of Social Sciences*, 2, 4, 162-171, 2012.

AUTHORS INFORMATION

Do Hai Hung, Khuong Thi Quynh An

Faculty of Business Management, Hanoi University of Industry, Vietnam